|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 03/11/2024** | **Dạy** | **Ngày** | **14/11 /2024** |
| **Tiết** | **2** |
| **Lớp** | **7B** |

**Tuần: 10 Tiết: 38**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**SỐ TỪ, PHÓ TỪ**

**Thời gian dự kiến: 01 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về Kiến thức**

- Nhận biết được số từ, phó từ trong đọc, viết, nói, nghe.

- Hiểu được ý nghĩa của số từ dựa vào vị trí của nó với danh từ; và các ý nghĩa của phó từ.

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng số từ đơn, phó từ .

**2. Về năng lực*:***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp.

***\* Năng lực đặc thù:***

- Nhận diện được số từ, phó từ trong câu.

- Biết vận dụng số từ và phó từ trong đọc, viết, nói và nghe.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ*:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm*:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ, Phiếu học tập.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG/ MỞ ĐẦU**  **a. Mục tiêu***:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về số từ, phó từ, kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.  **b. Nội dung:** Học sinh thực hiện cặp đôi bài tập nhận diện phó từ, số từ và củng cố lại kiến thức về phó từ, số từ.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HOẠT ĐỘNG 1.1: Làm bài tập nhận diện từ ngữ là phó từ, số từ.** | | |
| **HĐ của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu phiếu học tập, HS đọc và thực hiện theo hình thức cặp đôi.  a. *“Mọc giữa dòng sông xanh*  *Một bông hoa tím biếc”*  (Thanh Hải)  b*. “Thêm một chiếc lá rụng*  *Thế là thành mùa thu*  *Thêm một tiếng chim gù*  *Thành ban mai tinh khiết”*  (Trần Hòa Bình)  c*. “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*  *Chỉ cần trong xe có một trái tim”*  (Phạm Tiến Duật)  d.  “*Một canh… hai canh… lại ba canh*  *Trằn trọc, băn khoăn giấc chẳng thành*  *Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt*  *Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh”.*  (Hồ Chí Minh)  1.Tìm các từ chỉ số thứ tự, số lượng của sự vật trong các ví dụ”.  2.Từ vẫn trong đoạn thơ bổ sung nghĩa cho từ nào? Đó là ý nghĩa gì?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện cặp đôi trình bày  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá theo đáp án   |  |  | | --- | --- | | *a. Mọc giữa dòng sông xanh*  *Một bông hoa tím biếc*  (Thanh Hải) | *Một*- chỉ số lượng | | *b. Thêm một chiếc lá rụng*  *Thế là thành mùa thu*  *Thêm một tiếng chim gù*  *Thành ban mai tinh khiết.*  (Trần Hòa Bình) | *Một-* chỉ số lượng | | *c. Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*  *Chỉ cần trong xe có một trái tim*  (Phạm Tiến Duật) | *Một*- Chỉ số lượng  *Vẫn-* Chỉ sự tiếp diễn | | d.  *Một canh… hai canh… lại ba canh*  *Trằn trọc, băn khoăn giấc chẳng thành*  *Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt*  *Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh”.*  (Hồ Chí Minh) | *Một, hai, ba* (câu 1,2) chỉ số lượng.  Năm (năm cánh)  Bốn, năm (năm chỉ thứ tự) |   - Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận: Các từ ngữ trên chính là các phó từ, số từ | | |
| **HOẠT ĐỘNG 1.2. TÌM HIỂU KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  **a. Mục tiêu:**  - Trình bày được thế nào là số từ , phó từ .  *-* Sử dụng số từ, phó từ trong khi nói và viết  - Định hướng phát triển năng lực sử dụng số từ, phó từ trong viết văn, trong giao tiếp tiếng Việt.  **b. Nội dung:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu kiến thức ngữ văn  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu lại các ví dụ có số từ, phó từ  Thế nào là số từ? Nêu đặc điểm vị trí của số từ so với danh từ khi biểu thị ý nghĩa số lượng và thứ tự?  Phó từ là gì? Nó có thể bổ sung ý nghĩa nào cho từ ngữ mà nó đi kèm? Cho ví dụ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ, thảo luận.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận kết quả:**  HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả:**  GV chiếu đáp án, biểu điểm, các nhóm tự chấm điểm kết quả thảo luận.  GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **I. Kiến thức cơ bản**  **1. Số từ:** là những từ chỉ số lượng và số thứ tự của sự vật  - Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ đứng trước danh từ.  - Khi biểu thị thứ tự, số từ đứng sau danh từ.  **2. Phó từ:** là những từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ hoặc đại từ để bổ sung các ý nghĩa sau:  - Số ít hoặc số nhiều, ví dụ: **mỗi** người, **các** bạn, **những** ai…  - Cầu khiến, ví dụ: **hãy** đứng dậy, **đừng** về…  - Thời gian: ví dụ: **đang** đi, **đã** đến…  - Mức độ, ví dụ: **rất** đẹp, **hơi** khó, giỏi **lắm** ...  - Sự tiếp diễn, ví dụ: **vẫn** khoẻ, **cứ** nói…  - Sự diễn ra đồng thời, ví dụ: **đều** biết, **cũng** cười…  - Sự phủ định, ví dụ: **không** hiểu, **chẳng** cần…  - Tính thường xuyên, liên tục hay gián đoạn, bất ngờ, ví dụ: **thường** nói, **luôn** có mặt, **bỗng** đổ mưa…  - Sự hoàn thành, kết quả, ví dụ: nói **xong**, về **rồi**, nghĩ **ra**…  - Sự lặp lại, ví dụ: hỏi **lại**, nghĩ **lại**… |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**  **a. Mục tiêu:**  Nhận biết và vận dụng được phó từ trong quá trình đọc, viết, nói, nghe  **b. Nội dung:** Tổ chức học sinh vận dụng kiến thức đã biết về số từ, phò từ thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về số từ, phó từ.  **c. Sản phẩm** *:*Bài tập đã hoàn thiện của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV chiếu bài tập, yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu và thực hiện  **BÀI 1/ 69,70**  Tìm phó từ trong các câu sau.Cho biết chúng đi kèm từ loại và bổ sung ý nghĩa gì cho từ trung tâm.  a) *Con vật khủng khiếp quá !* (Véc-nơ)  b) *Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong ...(*Véc – nơ)  *c) Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại* (Véc – nơ)  d)...*Anh đừng để tâm đến chuyện hôm nay*.  (Brét-bơ- ry)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập, nêu yêu cầu và thực hiện cá nhân nhiệm vụ theo yêu cầu của đề vào vở  - Hai học sinh cùng thực hiện trên bảng  - HS làm bài tập sau đó đổi bài và chấm chéo  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả bài làm và bổ sung cho nhau  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV chiếu đáp án  - HS nhận xét, đánh giá kết quả làm bài của bạn.  - GV cho HS tự sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **BÀI 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV chiếu bài tập 2**  Tìm số từ trong câu dưới đây. Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm . Chỉ ra hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu ở một số yếu tố cấu tạo trong các số từ là từ ghép  *a) Ở bên phải cửa sổ xuất hiện bảy con bạch tuộc nữa*. (Véc – nơ )  b) *Ở đó đã tập hợp chừng hai mươi người cầm rùi sẵn sàng chiến đấu* . (Véc-nơ)  c) *Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút* (Véc-nơ )  d)... *Căn Háp (Had) có hệ thống liên lạc phụ thứ hai và thứ ba.(* En – đi Uya)  GV yêu cầu HS đọc và nêu yêu cầu bài tập. Sau đó thực hiện thảo luận cặp đôi nội dung bài tập.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs hoạt động nhóm cặp sau đó trình bày.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Yêu cầu đại diện 2 cặp đôi lên trình bày theo hình thức hỏi đáp  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức  **BÀI 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV Chiếu bài tập 3**  Các tổ hợp “số từ + danh từ ” in đậm trong những câu dưới đây giúp em hình dung về loại bạch tuộc như thế nào?  a) Đó là con bạch tuộc dài chừng **tám mét.** (Véc – nơ)  b) Thân nó hình thoi phình ở giữa,là một khối thịt nặng chừng **hai mươi, hai lăm tấn** (Véc- nơ)  c) Con quái vật có tám vòi thì **bảy** vòi đã bị chặt đứt. (Véc-nơ)  **1 HS đọc bài, yêu cầu HS thực hiện theo hình thức trả lời nhanh.**  *.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  *HS thực hiện trả lời cá nhân*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh nội dung câu hỏi của bài tập  - Học sinh khác nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS  - Gv sửa chữa, đánh giá chiếu đáp án chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập 4.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Chiếu bài tập 4**  Viết một đoạn văn (khoảng 5- 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản bạch tuộc , trong đó có sử dụng ít nhất ba phó từ và ba số từ . Chỉ ra nghĩa của các phó từ và số từ trong đoạn vănđó**.**  Yêu cầu: HS đọc bài, thực hiện viết cá nhân vào vở, 2 học sinh viết trên bảng trong thời gian 10 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm bài tập theo yêu cầu của đề bài.  + Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  **- GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả.  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - HS đánh giá bài viết của bạn theo tiêu chí  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Cho HS tham khảo đoạn văn  ***Bài tham khảc:***  Truyện khoa học viễn tưởng luôn có sức cuốn và ấn tượng với bạn đọc. Đến với văn bản “Bạch tuộc” trích từ tiểu thuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển” của Giuyn Véc-nơ ta thấy đây là **một**trích đoạn *rất* hay mô tả sinh động cuộc chiến giữa con người với thiên nhiên. Cách thuyền trưởng Nê-mô và những người trên tàu chiến đấu với con bạch tuộc*đã* dạy cho em **ba** bài học lớn. Bài học thứ **nhất**là hãy dũng cảm và kiên cường khi gặp phải khó khăn thử thách. Bài học thứ **hai** đoàn kết, kề vai sát cánh cùng chiến đấu vượt qua gian nan. Bài học thứ **ba**, cũng là bài học lớn*nhất*, đó là phải sống hòa hợp và biết ơn môi trường sống, mẹ thiên nhiên, không ngừng khám phá tìm tòi những điều kỳ bí xung quanh.    **Số từ**:  *- một*: bổ sung ý nghĩa số lượng cho danh từ trung tâm “trích đoạn”  - *“ Nhất”, “ ba”, “ hai*”- số từ chỉ thứ tự | | **II. THỰC HÀNH**  **Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Phó từ** | **Bổ sung** | | a | quá | Ý nghĩa mức độ cho từ *khủng khiếp* | | b | đang | Ý nghĩa sự tiếp diễn về thời gian cho động từ *đỗ* | | c | lại | Ý nghĩa chỉ sự lặp lại cho động từ *mọc* | | d | *đừng*  *đến* | Ý nghĩa chỉ sự cầu khiến cho động từ *để* |   **2.Bài tập 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Số từ** | **Ý nghĩa** | | *a* | *Bảy* | chỉ số lượng cho danh từ trung tâm *“bạch tuộc”* | | *b* | *Hai mươi* | chỉ số lượng cho danh từ trung tâm *“người”* | | *c* | *Mười lăm* | bổ sung ý nghĩa thời gian cho danh từ trung tâm *“cuộc”* | | *d* | *Hai, ba* | chỉ thứ tự cho danh từ trung tâm*“hệ thống liên lạc phụ”* |   ***3. Bài tập 3:***  a) Tổ hợp “số từ + danh từ” cho biết chiều dài thân hình của con bạch tuộc là rất lớn.  b) Tổ hợp “số từ + danh từ” cho biết khối lượng bạch tuộc, giúp em hình dung ra một loài vật khổng lồ và nguy hiểm.  c) Tổ hợp “số từ + danh từ” cho biết số vòi bị chặt đứt của con bạch tuộc, qua đó hình dung về thương tật của con vật cũng như sự chiến đấu dũng cảm của con người  - nhất: bổ sung ý nghĩa thứ tự cho danh từ trung tâm “bài học”  - hai: bổ sung ý nghĩa thứ tự cho danh từ trung tâm “bài học”  - ba: bổ sung ý nghĩa thứ tự cho danh từ trung tâm “bài học”  **4. Bài tập 4:** |
| **3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**:  - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.  **b. Nội dung**: Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.  **c. Sản phẩm**  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Trò chơi** “Ai nhanh hơn”  **Thể lệ**: Hai học sinh cùng tham gia trò chơi viết câu văn, câu thơ có sử dụng phó từ hoặc số từ hoặc cả hai trong 3 phút.  Học sinh nào tìm được nhiều câu nhất đúng theo yêu cầu, nhóm đó giành chiến thắng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS tham gia chơi cùng thực hiện trên bảng, dưới lớp làm ra giấy cá nhân.  **-** GV quan sát, góp ý nhắc nhở học sinh hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức, giao bài tập.  **Bài tập:** Qua hai các ví dụ sau, so sánh nghĩa của các từ **từng** và **mỗi** xem có gì khác nhau.  a) *Thần dùng phép lạ bốc* ***từng*** *quả đồi, dời* ***từng*** *dãy núi (...)*  (*Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*)  b) *Một hôm bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng rút lui* ***mỗi*** *người một ngả.*  (*Sự tích Hồ Gươm*)  c) *Rồi Bác đi rém chăn*  ***Từng*** *người,* ***từng*** *người một*.  (Minh Huệ)  **\* Giống nhau:**  **Mỗi, từng**: đều tách ra từng sự vật, từng cá thể  **\* Khác nhau:**  - **Từng**: mang ý nghĩa lần lượt theo trình tự, hết cá thể này đến cá thể khác  - **Mỗi**: mang ý nghĩa nhấn mạnh, tách riêng từng cá thể, không mang ý nghĩa lần lượt | | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**-** Nắm vững kiến thức về số từ

**-** Chuẩn bị bài : Thực hành đọc hiểu “Nhật trình Sol 6”

+ Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm, báo cáo bằng bài thuyết trình

+ Trả lời các câu hỏi chuẩn bị bài.

====================================

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 04/11/10/2024** | **Dạy** | **Ngày** | **16/11 /2024** |
| **Tiết** | **4** |
| **Lớp** | **7B** |

**Tuần: 10 Tiết: 39**

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**NHẬT TRÌNH SOL 6**

**Thời gian dự kiến: 01 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về Kiến thức***

**-** Thực hành đọc hiểu một văn bản khoa học viễn tưởng.

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Phân tích được đề tài, sự kiện,tình huống và nhân vật, bối cảnh truyện.

- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**2. Năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

**-** Biết cách đọc hiểu một văn bản khoa học viễn tưởng.

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Phân tích được đề tài, sự kiện,tình huống và nhân vật, bối cảnh truyện.

- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

***3. Về phẩm chất:***

+ Lòng dũng cảm, khả năng ứng biến linh hoạt trước những hoàn cảnh khó khăn bất ngờ tưởng chừng như tuyệt vọng.

+ Ý chí nghị lực, khát vọng sống, tinh thần vượt khó, khả năng giải quyết vấn đề khi bản thân và người khác rơi vào những tình huống nguy hiểm, khẩn cấp…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà văn Andy – Weir, tiểu thuyết “Người về từ sao hỏa” , văn bản “Nhật trình Sol 6

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**Phiếu số 1: Xác định thông tin văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| a. Xuất xứ |  |
| b. Thể loại (Thể loại? đề tài, PTBĐ? Ngôi kể?) |  |
| c. Bố cục (Nội dung và giới hạn từng phần) |  |

**Phiếu số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **QUÁ TRÌNH TÔI GẶP VÀ VƯỢT QUA TAI NẠN** | |
| *1. Vì sao nhân vật tôi lại bị thương?Cảm giác của tôi khi đó như thế nào?* |  |
| *2. Tôi tỉnh lại như thế nào? Tình trạng khi đó?* |  |
| 3. *Dụng cụ nào đã giúp tôi vượt qua tai nạn? Vì sao?* |  |
| *4. Sau khi tỉnh lại tôi đã làm gì?* |  |
| *5.Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn?* |  |
| *\* Qua đó em nhận xét gì về tình huống tôi và đồng đội đã gặp phải – Đặc biệt là tình huống của tôi? Dự đoán điều tệ nhất có thể xảy ra trong tình huống đó?*  *...................................................................................................................................*  *,..................................................................................................................................*  *...................................................................................................................................*  *...................................................................................................................................* | |
| *=> Kết quả của tình huống? Từ việc tôi đã làm, nhận xét, đánh giá về nhân vật?*  *……………………………………………………………………………………………..*  *……………………………………………………………………………………………..*  *………………………………………………………………………………………………* | |

**Phiếu số 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật** | **Hành động** | |
|  |  | |
| **\* Nhận xét:**  **.............................................................................................................................**  **..............................................................................................................................**  **..............................................................................................................................** | | |
| **\* Tình cảnh và những nguy cơ mà nhân vật gặp phải khi mắc kẹt tại sao Hỏa?** | | |
| **Tình cảnh** | | **Nguy cơ** |
| * **Nhận xét:** | | |

**Phiếu số 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** |  |
| **Nội dung** |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong văn học, cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: Chơi trò chơi “Đoán nhân vật”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Cách 1:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***

GV đưa ra thông tin 3 thông tin về một nhân vật liên quan chủ đề sinh tồn nơi hoang dã để Hs suy nghĩ, vận dụng kiến thức của bản thân đoán nhân vật

1. Đây là nhân vật rất nổi tiếng trong tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Anh Daniel – Defoe.

2. Do bị đắm tàu, nhân vật này đã bị trôi dạt vào đảo hoang, chống chọi với đói rét, mưa nắng, thú dữ, bệnh tật, sự cô đơn…

3. Chiếu chân dung nhân vật

***B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS suy nghĩ – trả lời cá nhân.

***B3: Báo cáo, thảo luận:*** HS trả lời câu hỏi của GV.

***B4: Kết luận, nhận định (GV):***

- Nhân vật Rô-bin-sơn Cru-xo \_ Trí thông minh nghị lực, sự khéo léo đã giúp Rô – Bin sơn tồn tại, chiến thắng nghịch cảnh để sinh tồn trên hoang đảo hơn 10 năm.

GV: Liên hệ - dẫn dắt – giới thiệu vào văn bản: Câu chuyện về nghị lực sinh tồn luôn hấp dẫn người đọc. Như Robinson ít ra vẫn đấu tranh sinh tồn ở môi trường trái đất, nhưng nếu chẳng may em rơi vào hoàn cảnh gần như Robinson nhưng lại ở môi trường ngoài trái đất thì sao? Điều gì có thể xảy ra? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**Cách 2:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***

GV cho Hs xem 1 video về đề đề tài Sao Hỏa/ Du hành vũ trụ và trả lời câu hỏi

https://laodong.vn/the-gioi/da-mat-voi-video-cac-chuyen-du-hanh-vu-tru-cua-nasa-977955.ldo

? Vi deo nói về điều gì?

? Em có suy nghĩ gì về “Du hành vũ trụ”?

? Nội dung vi deo phản ánh điều gì về sự phát triển của thế giới?

***B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS suy nghĩ – trả lời cá nhân.

***B3: Báo cáo, thảo luận:*** HS trả lời câu hỏi của GV.

***B4: Kết luận, nhận định (GV):***

GV: Liên hệ - dẫn dắt – giới thiệu vào văn bản:

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | |
| **1. Tác giả** | | | |
| **a.Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Andy-Weir và tác phẩm “*Người về từ sao Hỏa*” cũng như đoạn trích “*Nhật trình Sol 6*”.  **b.Nội dung**:  - HS thực hiện BT dự án, tìm kiếm và chia sẻ thông tin về tác giả - tác phẩm  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm**: câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện**: | | | |
| **Hoạt động của GV-HS** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  ***\* BT dự án:***  **- Nhóm 1:** HS đọc SGK, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả ở nhà qua Internet  -> Thuyết trình trước lớp về tác giả và tiểu thuyết *“Người về từ sao Hỏa”*  *? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Andy – Weir ?*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS**: Đọc SGk, xem lại thông tin đã tìm hiểu ở nhà  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **HS** trả lời câu hỏi.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.   |  | | --- | |  | |  | | | - Andy Weir sinh ngày 16/06/1972 tại California, Mỹ. Năm 15 tuổi, ông được thuê làm lập trình viên cho một phòng thí nghiệm quốc gia và kể từ đó đến nay, vẫn làm việc như một kỹ sư phần mềm.  - Ông rất đam mê khoa học không gian, thích nghiên cứu thuyết tương đối, cơ học quỹ đạo và lịch sử du hành vũ trụ có người lái.  - Người về từ sao Hỏa (Tên gốc: The Martian) là tiểu thuyết đầu tay, được ông bắt đầu viết từ năm 2009. Bị từ chối bởi nhiều nhà xuất bản, Andy Weir đã quyết định đăng tác phẩm trên website cá nhân dưới dạng truyện dài kỳ cho độc giả đọc miễn phí. Sau đó, trước yêu cầu của người hâm mộ, ông đã phát hành phiên bản Amazon Kindle với giá tối thiếu 99 cent. Trong vòng ba tháng, phiên bản Kindle đã bán được 35,000 bản, nằm trong top sách khoa học giả tưởng bán chạy nhất của Amazon. Thành công này đã thu hút sự chú ý của các nhà xuất bản, và đến năm 2013, sách đã được ký hợp đồng xuất bản dưới dạng audiobook và sách giấy. Bộ phim cùng tên chuyển thể từ cuốn sách, với sự tham gia của Matt Damon, đã trở thành bom tấn của mùa thu 2015 và được giới chuyên môn đánh giá rất cao, nhận được 7 đề cử cho giải Oscar. | |
| **2. Tác phẩm** | | | |
| **a.Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b.Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c. Sản phẩm**: câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện**: | | | |
| **Hoạt động của GV - HS** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại  - Giải thích một số từ: Sol, Hap, MAV…  - HS hoàn thiện, thảo luận trong nhóm Phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà)  ? Đoạn trích “Nhật trình Sol” thuộc thể loại gì? Em hiểu gì về thể loại đó? Xác định đề tài của tác phẩm?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS**:  - Đọc văn bản  - Thảo luận thống nhất trong nhóm (2’)  - Nhóm 2 lên thuyết trình (2’)  - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ xung (1’  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | | *a) Đọc và chú thích*  - HS đọc đúng.  - Tóm tắt nội dung đoạn trích  *b. Xuất xứ*: Trích tiểu thuyết Người về từ sao Hỏa  *c. Thể loại:* Văn bản thuộc thể loại truyện khoa học viễn tưởng.  ***(Tri thức Ngữ văn trang 58)***  - Đề tài: Du hành vũ trụ  - Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của nhân vật Tôi).  *d. Bố cục*: Văn bản chia làm 2 phần  + P1: *(Đầu – tình trạng này quá lâu)*: Nguyên nhân và quá trình mắc nạn của tôi  + P2: Còn lại: Tình cảnh và những nguy cơ mà tôi gặp phải khi mắc kẹt lại sao hỏa. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | | |
| **1. Nguyên nhân và quá trình mắc nạn của nhân vật tôi** | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết nói về nguyên nhân mắc nạn của nhân vật tôi  - Quá trình tôi vượt qua nguy hiểm.  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng bảng kiểm, KT đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn .  **c. Sản phẩm**: câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện**: | | | |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| ***ND 1:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  - Chia lớp ra làm hoặc 4 - 6 nhóm:  - Các nhóm thảo luận, gạch chân bằng bút chì vào văn bản  + Tìm những chi tiết nói về nguyên nhân mắc nạn của tôi.  **+** Tìm những chi tiết miêu tả bộ đồ dù hành và cách tôi khắc phục lỗi của nó để tự cứu mình.  - Hoàn thiện phiếu BT số 2  *1. Vì sao nhân vật tôi lại bị thương? Cảm giác của tôi khi đó như thế nào*  *2. Tôi tỉnh đã tỉnh lại như thế nào? Tình trạng khi đó?*  *3. Dụng cụ nào đã giúp tôi vượt qua tai nạn?*  *4. Sau khi tỉnh lại tôi đã làm gì?*  *5. Nhận xét về cách kể chuyện của nhà văn?*  *\* Qua đó em nhận xét gì về tình huống tôi và đồng đội đã gặp phải – Đặc biệt là tình huống của tôi? Dự đoán điều tệ nhất có thể xảy ra trong tình huống đó.*  *=> Kết quả của tình huống? Từ việc làm của tôi em có đánh giá, nhận xét gì về nhân vật?*  *?*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **B1:**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  B2:  - GV yêu cầu các nhóm trao đổi phiếu bài tập cho nhau để kiểm tra chéo  - GV đưa bảng kiểm chuẩn, yêu cầu 1 HS đọc, các nhóm đối chiếu, tích kết quả đúng, bổ sung chi tiết, đáp án còn thiếu.  HS: Thực hiện nhiệm vụ  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một – hai nhóm lên nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm bạn qua bảng kiểm của GV  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - 5 phút đầu các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhóm bạn  - 3 phút tiếp: Các nhóm công bố kết quả nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung 2  ***ND2:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  **?**Những chi tiết cho thấy tác giả dựa vào thành tựu của khoa học?  **?**Những chi tiết tưởng tượng của nhà văn?  ? Tác dụng của yếu tố tưởng, siêu nhiên trong đoạn trích?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS:**  - Làm việc cá nhân 5’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Học sinh trả lời, các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  -Nhận xét thái độ học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Nguyên nhân:**  - Trận bão cát ác liệt đã khiến Na Sa hủy nhiệm vụ. Tôi cùng những người đồng hành phải từ căn cứ quay lại tàu không gian (MAV) trong bộ đồ chuyên dụng của phi hành gia.  **b. Quá trình mắc nạn và vượt qua của tôi**  - Đĩa liên lạc bị gió thổi bay đâm vào ăn ten thu tầm.  - Một trong những chiếc đăng tên đâm vào tôi xuyên qua áo du hành -> Tôi cảm nhận cơn đau đớn nhất cuộc đời xé toạc một bên người  + Áp xuất trong bộ đồ giảm, đôi tai ù lên đau đớn  - Tôi thức dậy nhờ tiếng báo động ôxi trong bộ đồ  + Chiếc ăng –ten xuyên thủng bọ đồ và bên hông.  + Tôi bị đánh bật xa về phía sau, lăn xuống một ngọn đồi dốc…  + Máu tuôn trào từ vết thương…bộ đồ trung hòa trở lại -> Bộ đồ du hành đã cứu nhân vật tôi sống sót  - Sau khi tỉnh lại:  + Cẩn thận xem xét bên hông, khắc phục lỗi hỏng trên bộ đồ  + Rút đăng ten ra khỏi người dù đau đớn  => Trí tưởng tượng phong phú, kết hợp với vốn hiểu biết sâu về KH, tác giả đã tạo ra một tình huống nguy hiểm đặc biệt khiến nhân vật đối diện với tử thần, làm nền tảng cơ sở cho những tình tiết truyện phát sinh về sau.  - Bằng một chút may mắn, vốn kiến thức tích lũy từ trước, cùng với sự dũng cảm, kiên cường, nhân vật tôi đa bình tĩnh xử lý trước những vấn đề khó khăn và TẠM THỜI vượt qua được nguy hiểm.  \* Những chi tiết cho thấy tác giả dựa vào thành tựu của khoa học:  - Những chuyến du hành vũ trụ, khám phá các hành tinh trong đó có sự thật con người đã đặt chân đến sao Hỏa.  - Tàu vũ trụ, áo phi hành gia, các thiết bị liên lạc, thông tin ...  \* Những chi tiết tưởng tượng của nhà văn:  - Cơn bão cát trên sao Hỏa  - Căn cứ Háp  - Quá trình tôi gặp nạn và vượt qua tai nạn  => Tác giả đã dựa trên những thành tựu của khoa học và công nghệ cùng với những hiểu biết của mình và trí tưởng tượng phong phú để sáng tạo nên một câu chuyện kịch tính, li kì, hấp dẫn, mở ra một thế giới mới mẻ, thú vị cho độc giả. | | |
| **2. Tình cảnh và những nguy cơ mà tôi phải đối mặt**  **khi mắc kẹt tại sao Hỏa?** | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết những nguy cơ mà tôi gặp phải sau khi bị mắc kẹt.  - Đánh giá tình huống mà tôi gặp phải.  - Nghệ thuật kể chuyện  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c. Sản phẩm**: câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện**: | | | |
| **Hoạt động của GV-HS** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| ***ND1:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  *? Điều gì khiến “ tôi vui mừng không tả” và điều gì khiến “ Tôi buồn da diết”*  *? Tại sao chiếc MAV được coi là quan trọng nhất?*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS**: 1 phút làm việc cá nhân.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **GV:** - Yêu cầu HS trình bày.  **HS:**Trình bày câu trả lời của mình  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | | - Điều khiến “*tôi vui mừng khôn tả”*: Căn Háp vẫn còn nguyên vẹn  - Điều khiến “*Tôi buồn da diết”:* Chiếc MAV đã đi rồi  => MAV là thiết bị kết nối liên lạc với căn cứ dưới trái đất và là phương tiện duy nhất cỏ thể đưa đoàn phi hành gia trở về trái đất. | |
| ***ND2:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ:  *1. Tìm những chi tiết miêu tả suy nghĩ và hành động của nhân vật tôi?*  *2. Em có nhận xét gì về tâm trạng, suy nghĩ và hành động của nhân vật?*  *3. Chỉ ra tình cảnh mà tôi và những nguy cơ mà tôi có thể gặp sau khi xem xét mọi thứ ? Em có nhận xét gì về tình cảnh đó?*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS**:  - 3 phút làm việc cá nhân.  - 5 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - GV đưa ra bảng kiểm các nhóm đối chiếu kết quả.  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.  ***ND3:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  *? Tình huống trong vb này nói riêng và các tình huống trong các văn bản KHVT đã học nói chung có gì khác so với tình huống trong các truyện ngắn các em đã học? Tình huống như vậy có tác dụng gì?*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS:**  - Làm việc nhóm bàn, trao đổi, thống nhất ý kiến.  - Học sinh trả lời, các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  -Nhận xét thái độ học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | |  |  | | --- | --- | | **Tâm trạng, suy nghĩ của tôi** | **Hành động** | | **- Khi trở về Háp:** biết mình tàn đời nhưng không muốn chết  - Biết vô vọng không có cách nào liên lạc với Hơ - mét | - Lần mò tìm khóa khí, mở cửa vào căn cứ  - Sau khi vào: Cởi bộ đồ phi hành, xem xét rõ ràng vết thương, khâu nó lại  - Vẫn cố khởi động thiết bị liên lạc, kiểm tra bộ đồ của mình |   => Suy nghĩ, nhìn nhận thẳng thắn vào tình cảnh của mình. Hành động nhanh nhẹn, dứt khoát, không chịu từ bỏ hy vọng dù trong hoàn cảnh tuyệt vọng.  \* Tình cảnh của nhân vật tôi  - Mắc kẹt trên sao Hỏa, không có cách nào liên lạc với trung tâm. Ở Trái đất ai cũng nghĩ rằng mình đã chết.  - Nguy cơ có thể gặp:  + Nếu máy oxi hỏng -> Chết ngộp  + Máy lọc nước hóng -> Chết khát  + Căn Háp thủng lỗ -> Tôi nổ tung  + Hết thức ăn -> Đói chết  => Tình huống vô cùng khó khăn tuyệt vọng, phải đối diện với nhiều nguy cơ mang tính sinh tồn, chưa có cách giải quyết.  - Tình huống đột ngột bất ngờ, có phần li kì, mạo hiểm -> Đặc trưng về tình huống trong truyện KHVT  => Tác dụng: Tăng sức hấp dẫn, thu hút người đọc dõi theo câu chuyện. | |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 4.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện?  ? Nội dung chính của văn bản “Nhật trình Sol 6”?  ? Vì sao truyện này có tính chất viễn tưởng?  ? Từ câu chuyện, em rút ra được bài học gì cho mình khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS**   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Đề tài hấp dẫn, mang tính hiện đại  - Ngôi kể thứ nhất làm câu chuyện chân thực, bộc lộ cảm xúc của người kể chuyện.  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, thú vị khi tạo ra tình huống truyện bất ngờ li kì, hấp dẫn.  **2. Nội dung, Bài học**  - Văn bản kể về tình cảnh khi gặp nạn và những nguy cơ mà phi hành gia Mark Watney phải đối mặt  -> Truyện này có tính chất viễn tưởng bởi nó có nhiều yếu tố tưởng tượng, hư cấu dựa trên những kiến thức thành tựu của khoa học vũ trụ hiện đại, đề tài mới lạ, gắn với công nghệ tương lai kết hợp với bối cảnh vũ trụ hùng vĩ, bí hiểm.  - Bài học: Khi gặp khó khăn hay hiểm nguy, hãy bình tĩnh dũng cảm đối mặt với nó. Kiến thức và những kĩ năng của bản thân sẽ giúp chúng ta vượt qua nguy hiểm. Trong mọi tình huống đừng bao giờ tuyệt vọng. | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ****:* Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập 1: Những chi tiết nào trong văn bản *Nhật trình Sol 6* thể hiện tác giả có rất nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ?   |  |  | | --- | --- | | 1 | Những thông số kĩ thuật khoa học chính xác | | 2 | Cấu trúc, cấu tao hoạt động của những thiết bị liên lạc, Ăn ten, tàu vũ trụ | | 3 | Kiến thức vật lý, hóa học vũ trụ | | 4 | Cấu tạo, chức năng, cách thức hoạt động và cách khắc phục lỗi của bộ đồ phi hành gia | | 5 | Những nguyên lý trong ngành hàng không vũ trụ | | … |  |   Bài tập 2: Phân biệt yếu tố thần kì siêu nhiên trong truyện khoa học viễn tưởng và yếu tố kì ảo, huyền huyễn trong truyện dân gian?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - GV giao bài tập cho HS.  - HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.  ***B3: Báo cáo, thảo luận:***  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  *BT 2: Phân biệt yếu tố thần kì, siêu nhiên trong truyện khoa học viễn tưởng và yếu tố kì ảo, huyền huyễn trong truyện dân gian:*  - Yếu tố tưởng tương siêu nhiên trong truyện KHVT: Những chi tiết tưởng tượng phải luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tại thời điểm tác phẩm ra đời.   * Yếu tố tưởng tượng kì ảo trong truyện dân gian hoàn toàn là hư cấu của tác giả dân gian nhằm một mục đích nào đó, không có thật.   ***B4: Kết luận, nhận định:***  GV nhấn mạnh một lần nữa các đặc trưng của thể loại truyện khoa học viễn tưởng, cách đọc hiểu một văn bản khoa học viễn tưởng. Đánh giá bài làm của HS, động viên, khích lệ những bài tốt bằng cách cho điểm. |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ****:* (GV giao nhiệm vụ)  **Bài tập:**  *1. Giả sử ở trong hoàn cảnh của nhân vật “Tôi”, em sẽ có suy nghĩ và hành động như thế nào?*  *2. Tìm xem bộ phim cùng tên được chuyển thể từ tác phẩm và viết cảm nhận của mình sau khi xem.*  *- Nộp sản phẩm vào trang paled hoặc lớp học classzoom.*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT  mà GV hướng dẫn.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết tiếp theo |  |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hoàn thành Bt vào VBT.

- Chuẩn bị bài “ Viết bài văn bieur cảm về con người hoặc sự vật”

+ Tìm hiểu thế nào là văn biểu cảm

+ Đặc điểm của văn biểu cảm.

+ Chuản bị đề bài: Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” đã học.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 08/11/2024** | **Dạy** | **Ngày** | **16/11 /2024** | **19/11 /2024** | **21/11 /2024** |
| **Tiết** | **4** | **1** | **2** |
| **Lớp** | **7B** | |  |

**Tuần:10, 11 Tiết:40, 41,42**

**VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC**

**Thời gian dự kiến: 03 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nắm được quy trình viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sực việc.

- Bước đầu làm được văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

**1. Năng lực.**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào việc tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản.

- Rèn kĩ năng trình bày những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ và thái độ về một người, một sự việc nào đó trong cuộc sống hay trong tác phẩm văn học.

**2. Phẩm chất**

**-Trách nhiệm**: Có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập mà tổ nhóm giao cho.

**B. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng ( Ti vi)

- Bảng phụ, Giấy A0, bút lông, bút dạ

- Bảng kiểm, rubrics đánh giá bài viết của học sinh

**2. Học liệu:**

- SGK, tài liệu tham khảo.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1:**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi kiến thức nền, tạo tâm thế bước vào giờ học

**b. Nội dung:** Trên cơ sở quan sát hình ảnh học sinh bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** Kĩ thuật phân tích tranh, ảnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu một số hình ảnh về thiên nhiên, con người và yêu cầu HS quan sát, suy nghĩ trả lời các câu hỏi:  **(**1) Quan sát các hình ảnh sau và nêu tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của em? Vì sao em có cảm xúc đó?  (2) Em có thể bày tỏ các tình cảm, cảm xúc đó bằng cách nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát định hướng tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS quan sát và chia sẻ tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ.  - GV hỗ trợ góp ý( nếu cần)  + Hình 1: Cảm xúc về sự sáng tạo, tài hoa trước hình ảnh người nông dân trong quá trình lao động.  + Hình 2: Vui thích trước kỉ niệm tuổi thơ cùng bà quây quần bên nồi bánh chưng ngày tết.  + Hình ảnh 3: Cảm động trước cử chỉ ân cần, yêu thương, quan tâm của cụ bà dành cho cụ ông lúc đau ốm.  + Hình ảnh 4: Xúc động trước tình mẫu tử thiêng liêng của người mẹ nghèo dành cho con giữa cuộc sống mưu sinh.  + Hình ảnh 5: Xúc động trước việc làm thiện nguyện giúp đỡ người già, người nghèo  + Hình ảnh 6: Xúc động biết ơn trước hình ảnh người lao công đang quét dọn giữ gìn vệ sinh đường phố.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá câu trả lời của học sinh  - Kết luận và kết nối vào bài:  + Hình ảnh con người, sự việc trên đều hiện hữu trong cuộc sống thường ngày gợi cho ta bao tình cảm, cảm xúc, suy ngẫm.  + Mỗi người có thể biểu đạt những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ ấy theo những cách riêng có thể là bài văn, bài thơ, qua lời nói trực tiếp hoặc gián tiếp bộc lộ…  + Bài học sẽ giúp các em biết cách viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc. | |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 2.1. TÌM HIỂU ĐỊNH HƯỚNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh nắm được định hướng về quy trình, các bước viết bài văn viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ trả lời cá nhân nhiệm vụ học tập phần định hướng

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân học sinh

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời cá nhân:  (1) Em hiểu thế nào là viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sực việc?  (2) Cần chú ý những gì để có thể viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sực việc?  - GV hỗ trợ góp ý (nếu cần)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -HS trả lời câu hỏi**:**  + HS 1: Câu 1  + HS 2: Câu 2  + HS khác: bổ sung cho bạn  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV đánh giá phần trả lời của học sinh và kết luận trên máy về khái niệm, chú ý về văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc | **1. Định hướng**  **a. Khái niệm:**  Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là nêu lên những tình cảm, cảm xúc, những suy nghĩ và thái độ của người viết về một người, một sự việc nào đó trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học.  **b. Chú ý**  - Xác định đối tượng biểu cảm:  + Con người  + Sự việc  + Phạm vi: đời sống hay trong văn học  - Định hướng tình cảm, cảm xúc với đối tượng.  - Những suy nghĩ bài học mà đối tượng để lại cho em.  - Lập dàn ý cho bài viết.  - Viết bài :  + Theo dàn ý một cách hợp lí.  + Nêu lên tình cảm, cảm xúc và những suy nghĩ, thái độ của mình một cách trung thực. |

**HOẠT ĐỘNG 2.2. THỰC HÀNH VIẾT VĂN BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰC VIỆC**

**a.Mục tiêu:** Học sinh nắm được các bước viết bài văn viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc và thực hiện được nhiệm vụ từng bước. Biết viết văn biểu cảm về con người, sự việc.

**b. Nội dung:** HS thực hành với bài tập SGK đã định hướng để nắm vững các bước viết bài.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:** Thảo luận hoàn thiện phiếu học tập

**PHIẾU HỌC TẬP 1:**

**NHIỆM VỤ :**

(1) Để viết bài văn bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc cần thực hiện mấy bước là những bước nào?  
(2) Thực hành các bước với đề bài “Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” đã học?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước làm bài** | **Nhiệm vụ học tập cần thực hiện** | **Lựa chọn** | |
| **Nhân vật yêu thích** | **Sự việc yêu thích** |
|  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chiếu đề bài:**  **Bài tập:** Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” đã học.  Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi với phiếu học tập 1  (1) Để viết bài văn bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc cần thực hiện mấy bước là những bước nào?  (2) Thực hành các bước với đề bài “ Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” đã học?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi tự hoàn thiện nội dung phiếu học tập 1.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo cá nhân theo kĩ thuật công đoạnkết hợp phòng tranh.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS đánh giá phần trả lời của bạn  - Giáo viên kết luận các nhiệm vụ cần chuẩn bị (chiếu máy chiếu)  Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản “Bạch tuộc”.  Xác định đối tượng biểu cảm (nhân vật hoặc sự việc) | **II. Thực hành**  **Bài tập:** Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” đã học.  **a. Chuẩn bị**  \* Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản “Bạch tuộc”.  \*Xác định đối tượng biểu cảm (nhân vật hoặc sự việc)  **- Nhân vật:**  + Nê-mô  + Nhân vật giáo sư A-rôn-nác.  **- Sự việc:**  Cuộc giao chiến với bạch tuộc của các thủy thủ đoàn  **b.Tìm ý và lập dàn ý** |

|  |
| --- |
| **b. 1. Tìm ý: Đặt và trả lời các câu hỏi**  -  Nhân vật hoặc sự việc gây cho em nhiều ấn tượng nhất trong đoạn trích “Bạch tuộc” là ai, là sự việc nào? (Giới thiệu nhân vật, tóm tắt sự việc)  - Nhân vật (sự việc) để lại trong em tình cảm, cảm xúc gì? (yêu thích, cảm động, sung sướng hay buồn bã...)  -Bài học, suy nghĩ mà nhân vật (sự việc) gợi ra cho em phẩm chất đáng quý, bài học làm người, kinh nghiệm sống nào? |

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm ý cho lựa chọn cảm xúc về sự việc trong đoạn trích “Bạch tuộc”:** | **Tìm ý cho lựa chọn yêu thích nhân vật** | |
| Yêu thích cuộc giao chiến của các thủy thủ đoàn với bạch tuộc khổng lồ. | Yêu thích nhân vật thuyền trưởng Nê-mô | Yêu thích nhân vật giáo sư A-rôn-nác |
| Thích thú, lôi cuốn, hồi hợp về sự việc các thủy thủ giao chiến với bạch tuộc khổng lồ.  + Đây là trận chiến đấu căng thẳng, nguy hiểm, dữ dội.  + Hồi hộp khi các thủy thủ đoàn đối mặt với bạch tuộc và chiến đấu với chúng.  + Cảm động và cảm phục tinh thần dũng cảm, tinh thần đồng đội và yêu thương của các thủy thủ đoàn.  + Xót xa khi có thủy thủ hi sinh khi chiến đấu với “Bạch tuộc”  + Trận chiến đã cho em cảm xúc tự hào và ấn tượng khó quên về sức mạnh của con người trước biển cả.  **- Bài học**  + Dũng cảm đối mặt với nguy hiểm khó khăn.  + Người kiên cường, dũng cảm, mạnh mẽ sẽ luôn là người chiến thắng.  + Biết yêu thương, sẻ chia, giúp đỡ những người gặp khó khăn  + Không nên ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình bỏ mặc người khác.  + Đoàn kết tạo nên sức mạnh để vượt qua khó khăn thử thách vươn đến chiến thắng  + Con người với ý chí, sức mạnh, quyết tâm có khả năng chinh phục, chế ngự thiên nhiên. | - Yêu mến, cảm phục, ngưỡng mộ thuyền trưởng Nê-mô - một người dũng cảm, giàu lòng vị tha.  + Nê-mô là một người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh với vầng trán cao và ánh mắt sáng.  + Ông đã điều khiển cả con tàu, yêu thương gắn bó từng con người và bộ phận của chiếc tàu kỳ diệu đã giúp họ khám phá vô số những bí mật dưới đáy đại dương.  + Dũng cảm, sẵn sàng xả thân vì đồng đội.  **- Bài học:**  + Dũng cảm, mưu trí khi đối mặt với hiểm nguy.  + Yêu thương, đoàn kết với đồng đội để vượt qua khó khăn.  + Con người với ý chí, sáng tạo, tinh thần đoàn kết, mưu trí... có khả năng chế ngự, làm chủ thiên nhiên. | - Yêu mến, ngưỡng mộ giáo sư A-rôn-nác - vị giáo sư uyên bác, luôn thân thiện cởi mở với mọi người.  + Là người say mê khám phá sinh vật biển, ông đã quyết định khám phá bí mật của quái vạt biển. Nhớ đến ông, ta luôn ấn tượng về một vị giáo sư uyên bác: Với một bộ râu quai nón cùng mái tóc xoăn đẹp đẽ, người hơi mập mạp nhưng luôn đeo kính, hay đọc sách, ghi chép những điều mình suy nghĩ và khám phá được.  + Ông cũng rất thân thiện, cởi mở với mọi người (đã cởi mở nói chuyện cho các thủy thủ về bạch tuộc)  **- Bài học:**  + Mỗi người cần có lòng đam mê đặc biệt đam mê khám phá khoa học.  + Thân thiện cởi mở với mọi người.  + Yêu mến thiên nhiên, luôn khao khát khám phá thế giới thiên nhiên diệu kì. |

**b. 2. Lập dàn ý: Lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần.**

**SẢN PHẨM 1:**

**\*Mở bài:** Đọc đoạn trích “Bạch tuộc”, em rất cảm động về sự việc các thủy thủ đoàn chiến đấu với bạch tuộc.

**\*Thân bài:**

**- Cảm xúc ấn tượng chung về sự việc:** Cuộc chiến đấu với đoàn bạch tuộc khổng lồ là một cuộc chiến đấu căng thẳng, hiểm nguy và dữ dội:

- Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ về sự việc.

+ Thật nguy hiểm và hồi hộp khi con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa trong khi đó, bạch tuộc “dài chừng tám mét” chẳng khác nào con quái vật đang bơi tới. Dưới sự chỉ đạo của thuyền trưởng Nê-mô, các thành viên trên tàu đã cùng nhau đoàn kết trợ giúp thuyền trưởng tiêu diệt bạch tuộc “Ở đó đã tập hợp chừng hai mươi người cầm rìu sẵn sàng chiến đấu”. Khi tình huống nguy hiểm ập đến “*Khi thấy một cái vòi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, hai chục cái vòi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên”,* thuyền trưởng Nê-mô đã *“lấy rìu chặt đứt phăng cái vòi khủng khiếp đó khiến nó lặn xuống.*

+ Hồi hộp khi hai cái vòi của bạch tuộc “lao tới một thủy thủ’ rồi “nhấc bổng anh ta lên”, sau đó “quấn chặt” khiến anh chới với, nghẹt thở. Và thật cảm phục trước tinh thần dũng cảm của Nê- mô lúc này “ Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi”. Và cũng thật hồi hộp khi “Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi cùng dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc” đã “chặt được bảy vòi của bạch tuộc nhưng vòi còn lại vẫn “quấn chặt người thủy thủ và ngoe nguẩy trên không” rồi phun ra “chất lỏng màu đen” khiến các thủy thủ “tối tăm mặt mũi” cuối cùng thật xót xa khi “quái vật biến mất, mang theo cả người đồng hương xấu số của tôi!”

+ Thật khâm phục khi với tình đồng đội và tinh thần đoàn kết cùng lòng căm thù sục sôi các thủy thủ đã chém đứt “mười, mười hai con” bạch tuộc khiến chúng quằn quại trong “máu xanh” và “mực đen”.

+ Ngưỡng mộ biết bao khi Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật, lần nào cũng trúng đích. Và em lại thêm hồi hộp khi Nét Len bị một đối thủ dùng vòi quật ngã. “Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ở phía trên Nét”.Thế nhưng không sợ hiểm nguy Nê-mô đã lao tới “Lưỡi rìu của Nê- mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tim kẻ thù”.

+ Thật vui, hả hê khi sau mười lăm phút chiến đấu “Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu”.

+ Cảm động trước hình ảnh “Thuyền trưởng Nê- mô, mình nhuốm đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình”.   
+ Em cũng thật xót xa, xúc động trước hình ảnh: “Mắt Nê-mô ứa lệ” khi nghĩ đến hành trình gian nan, nguy hiểm mọi người vừa trải qua, khi nghĩ đến nỗi đau người bạn đồng hương vừa bị bạch tuộc cuốn xuống biển.

**Bài học rút ra:**

+ Cuộc sống luôn có những khó khăn, hiểm nguy.

- Bạn bè sẵn sàng cứu giúp khi ta gặp khó khăn.

- Con người với ý chí, sức mạnh, quyết tâm có khả năng chinh phục, chế ngự thiên nhiên

**\*Kết luận:** Thời gian trôi qua nhưng mỗi lần đọc lại đoạn trích “Bach tuộc”, em lại xúc động và bị cuốn hút bởi trận giao chiến giữa các thủy thủ, thành viên tàu với bạch tuộc khổng lồ. Qua đó nhắc em trong cuộc sống phải có dũng khí để vượt qua khó khăn, cần biết tạo nên sức mạnh từ tình yêu thương, đoàn kết.

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM 2**: **Bài biểu cảm về nhân vật thuyền trưởng Nê-mô**

**\*Mở bài**: Đọc đoạn trích “Bạch tuộc” của Giuyn véc-nơ, em rất cảm động về nhân vật thuyền trưởng Nê-mô.

**\*Thân bài:**

Cảm xúc và ấn tượng chung về nhân vật: Đọc đoạn trích, em rất cảm phục và ngưỡng mộ thuyền trưởng Nê-mô , một vị thuyền trưởng dũng cảm, vị tha.

Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ về con người.

+ Thuyền trưởng Nê-mô thật dũng cảm vị tha : Nê-mô là một người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh với vầng trán cao và ông đã điều khiển cả con tàu, yêu thương gắn bó từng con người và bộ phận của chiếc tàu kỳ diệu đã giúp họ khám phá vô số những bí mật dưới đáy đại dương.

+ Cảm phục và ngưỡng mộ thuyền trưởng bởi ông là người có lòng dũng cảm là luôn vì người khác: Khi một con bạch tuộc quật ngã Nét Len, định nuốt chửng anh “Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét”, Nê-mô lao đến cứu Nét “Lưỡi rìu của Nê- mô cắm phập vào mồm quái vật”. Khi hai cái vòi của bạch tuộc “lao tới một thủy thủ’ rồi “nhấc bổng anh ta lên”, sau đó “quấn chặt” khiến anh chới với, nghẹt thở. Và thật cảm phục trước tinh thần dũng cảm của Nê-mô lúc này “Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi”. Và em lại thêm hồi hộp khi Nét Len bị một đối thủ dùng vòi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ở phía trên Nét”. Nê mô không sợ hiểm nguy đã lao tới “Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tim kẻ thù”.

+ Thật vui, hả hê khi sau mười lăm phút chiến đấu *“Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu”.*

+ Và em cũng thật xúc động trước hình ảnh “Thuyền trưởng Nê-mô, mình nhuốm đầu máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình” làm em cảm phục và xúc động hơn khi “Mắt Nê-mô ứa lệ” vì một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi”

-Bài học

+ Dũng cảm, mưu trí khi đối mặt với hiểm nguy.

+ Yêu thương, đoàn kết với đồng đội để vượt qua khó khăn.

+ Con người với ý chí, sáng tạo, tinh thần đoàn kết, mưu trí... có khả năng chế ngự, làm chủ thiên nhiên.

**\*Kết luận**: Thời gian trôi qua nhưng hình ảnh nhân vật thuyền trưởng Nê-mô luôn để lại cho em ấn tượng khó quên. Qua nhân vật nhắc nhở em lòng dũng cảm, ý thức trách nhiệm tình yêu thương với bạn bè để có thể vùng nhau vượt qua khó khăn.

**SẢN PHẨM 3: Dàn ý bài văn biểu cảm về giáo sư A-rôn-nác**

**\* Mở bài**: Đọc đoạn trích “Bạch tuộc” của Giuyn véc-nơ, em rất yêu mến và cảm phục giáo sư A-rôn-nác.

**\* Thân bài:**

- Cảm xúc ấn tượng chung về nhân vật: Giáo sư A-rôn-nác là người uyên bác luôn thân thiện, cởi mở với mọi người.

- Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ về nhân vật.

+ Ấn tượng về một người uyên bác. Ông có một bộ râu quai nón cùng mái tóc xoăn đẹp đẽ, người ông hơi mập mạp nhưng luôn đeo kính, hay đọc sách, ghi chép những điều mình suy nghĩ và khám phá được.

+ Em rất yêu mến nhân vật bởi ông cũng rất thân thiện, cởi mở với mọi người (ông đã không ngần ngại trả lời Nét, Công- xây về loài bạch tuộc)

- Bài học: Nhân vật giáo sư đã nhắc nhở em về lòng đam mê mê khám phá khoa học. Dù là ai cũng phải biết sống cởi mở thân thiện với mọi người.

**\*Kết luận:**

Thời gian trôi qua nhưng hình ảnh nhân vật giáo sư luôn sống mãi trong em. Qua nhân vật cho em hiểu hơn về ý nghĩa của việc khám phá sáng tạo khoa học. Nhắc em nỗ lực học tập luyện rèn, nuôi dưỡng cho mình khát khao khám phá thế giới tự nhiên, khát khao đến với chân trời khoa học .

|  |  |
| --- | --- |
| Bước 4: Đánh giá, kết luận  GV và HS đánh giá sản phẩm học tập của các cặp đôi  GV kết luận nhiệm vụ của bước tìm ý và lập dàn ý  Nhiệm vụ 4: Hướng dẫn viết bài  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  Dựa vào dàn ý đã làm, em hãy biết bài văn biểu cảm hoàn chỉnh về nhân vật hoặc sự việc mà em yêu thích trong đoạn trích “ Bạch tuộc”  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS viết bài theo kĩ thuật công đoạn  - GV hỗ trợ góp ý (nếu cần)  Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Học sinh viết đoan văn và trình bày  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV cho HS đánh giá bài viết theo bảng kiểm  GV kết luận những vấn đề cần quan tâm khi viết bài văn biểu cảm. | **Dàn ý chung bài vân biểu cảm về một con người hoặc sự việc.**  **\* Mở bài:** Nêu tên nhân vật hoặc sự việc đặc sắc mà em muốn viết  **\* Thân bài:** Lần lượt nêu những cảm xúc và suy nghĩ từ khái quát đến cụ thể  - Nêu cảm xúc chung về con người sự việc  - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ về con người, sự việc  - Rút ra bài học từ nhân vật sự việc  **\* Kết bài:**  Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về con người hoặc sự việc được nói đến trong bài văn  **c. Viết bài : Dựa theo dàn ý**  \* Viết mở bài  \* Viết thân bài  \* Viết kết bài |

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Xác định được đối tượng biểu cảm (người, sự việc ) trong văn bản . |  |  |
| **2** | Bài viết đã nêu được tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của người viết. |  |  |
| **3** | Bài viết đã bám sát dàn ý đã lập? |  |  |
| **4** | Đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, các đoạn trong văn bản chưa? |  |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS căn cứ vào những điều chưa đạt khi đánh giá theo bảng kiểm về bài viết văn biểu cảm về con người và sự việc để tự kiểm tra chỉnh sửa theo tiêu chí  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tự kiểm tra sửa lỗi và hoàn thiện bài làm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Trình bày trước lớp các lỗi đã sửa và bài viết sau khi đã sửa  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **d. Kiểm tra và chỉnh sửa** |

**PHIẾU KIỂM TRA, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung lỗi cần sửa** | | **Sửa lỗi** |
| Phát hiện và sửa ý về trình tự triển khai ý | Trình tự triển khai ý |  |
| Các ý cần bổ sung |  |
| Phát hiện sửa lỗi về ý | Thiếu ý |  |
| Sắp xếp lại ý lộn xộn |  |
| Sửa lại các ý lạc đề |  |
| Sửa lại các ý tản mạn |  |
| Phát hiện sửa lỗi diễn đạt | Lỗi dùng từ |  |
| Lỗi viết câu |  |
| Lỗi chính tả | Lỗi chính tả |  |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

Học sinh trên cơ sở kĩ năng của phần thực hành vận dụng giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra với các nhân vật hoặc sự việc mà bản thân yêu thích trong văn bản “Chất làm gỉ”

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện cá nhân yêu cầu bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Viết đoạn văn bộc lộ cảm xúc của em sau về nhân vật hoặc em yêu thích trong một văn bản “Chất làm gỉ” đã học.  Yêu cầu: HS thực hành theo các bước: chuẩn bị, tìm ý lập dàn ý- Viết bài- Kiểm tra và chỉnh sửa.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh chọn một tác phẩm để thực hiện nhiệm vụ học tập và thực hiện ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Học sinh báo cáo vào buổi học sau  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  **-** GV cho học sinh đánh giá kết quản thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân |  |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hoàn thiện nội dung bài tập.

- Tập viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một nhân vật hoặc sự việc mà mình yêu mến.

- Chuẩn bị nội dung hoạt động: Nói và nghe

+ Đọc lại văn bản “Bạch tuộc” (Giuyn Véc- nơ) và văn bản “Chất làm gỉ” (Rây Bret-bơ-ry) và soạn các nội dung phần chuẩn bị, phần tìm ý và lập dàn ý.

**IV. PHỤ LỤC**

**Bài viết tham khảo:**

  Trong đoạn trích *Bạch tuộc*, em ấn tượng nhất là thuyền trưởng Nê-mô, một người vừa có vẻ đẹp của thể lực lẫn tinh thần.

    Thuyền trưởng Nê-mô trong đoạn trích Bạch tuộc hiện lên là một người sẵn sàng chiến đấu với lũ bạch tuộc, nói cách khác, ông là một người quyết đoán, gan dạ. Ông đã sẵn sàng chiến đấu với những con bạch tuộc bằng rìu và đã đã chém đứt các vòi của chúng. Khi Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, giáo sư A-rôn-nác đã lao tới cứu anh ta. Nhưng Nê-mô đã đến trước giáo sư. Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật, và thế là Nét thoát chết trong gang tấc. Ở chi tiết này, có thê thấy sức mạnh cùng sự nhanh nhẹn của một thuyền trưởng. Phải có sức khỏe về thể chất, Nê-mô mới có thể sẵn sàng chiến đấu với lũ "quái vật" này và có những hành động vô cùng nhanh như vậy.

    Nê-mô không chỉ là một người có vẻ đẹp về thể lực mà còn có cả vẻ đẹp về tinh thần. Vì sao ông phải chiến đấu với lũ bạch tuộc? Đó không chỉ còn là vì lũ bạch tuộc khiến con tàu No-ti-lớt không đi được mà còn vì những con người trên chiếc tàu ấy. Nếu không chiến đấu với lũ bạch tuộc, sẽ không có cơ hội nào để cứu người thủy thủ kia, không có cơ hội nào để cứu Nét Len. Việc Nê-mô chặt đứt vòi bạch tuộc hay rìu của ông cắm phập vào mồm quái vật vừa cho thấy sức mạnh thể chất của ông, nhưng cũng nói lên sự giận dữ của ông với lũ "quái vật" dám động vào những người trên tàu. Nói cách khác, đó là tình cảm giữa người với người, tình cảm của những người đã thân thiết dành cho nhau. Tôi nhớ nhất là chi tiết mắt Nê-mô ứa lệ khi nghĩ về "biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình". Tôi ấn tượng bởi đó là sự xúc động của một con người dành cho một con người, của người có quê hương dành cho đồng hương của mình, của một thuyền trưởng dành cho thuyền viên. Tôi còn ấn tượng bởi ông không khóc nức nở, không khóc thành tiếng hay một sự xúc động thái quá. Ở đây, Nê-mô chỉ "ứa nước mắt", những giọt nước mắt của ông cứ trào ra, ông không hề kêu lên hay cố tình thể hiện mà nó là cảm xúc chất chứa đến hồi bộc phát. Chi tiết này là một chi tiết đắt giá nói lên vẻ đẹp tinh thần của Nê-mô.

    Nhân vật Nê-mô với sự gan dạ, quyết đoán và tình thương người đã để lại trong tôi sự cảm phục và ngưỡng mộ. Ông cũng cho tôi hiểu về sức mạnh của con người, sức mạnh của tinh thần đồng đội. Chính Nê-mô đã cho tôi biết cách cần phải rèn luyện bản thân cả về thể chất lẫn tinh thần.

**\* HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ:**

- Học và nắm chắc ND bài học.

- Hoàn thiện các bài viết vào vở bài tập.

***-*** Soạn bài: Nói và nghe ***“Thảo luận nhóm về một vấn đề”***

====================================

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 11/11/2023** | **Dạy** | **Ngày** | **22/11 /2023** | **23/11 /2023** |
| **Tiết** | **1** | **3** |
| **Lớp** | **7B** | **7B** |

**Tuần: 11 Tiết: 43,44**

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**Thời gian dự kiến: 02 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1.** **Về kĩ năng**

- HS mạnh dạn trình bày ý kiến trong tổ nhóm học tập về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.

- Biết lắng nghe tôn trọng và tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

- HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**2. Năng lực**

***\*Năng lực chung:*** Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

***\*Năng đặc thù:***

***-***  Nắm được mục đích, yêu cầu thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi là dùng hình thức nói ( thuyết trình) để trao đổi, tranh luận vấn đề còn có ý kiến thống nhất .

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày

- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học

- Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống…

- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi

- Trình bày vấn đề trước tập thể

**3. Về phẩm chất**

*- Yêu nước:* Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt – ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.

*- Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

*- Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm,...

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG/ MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu tình huống cuộc sống và yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi :  (1) Nhân dịp tết trung thu, nhà trường muốn lấy ý kiến các lớp về việc tổ chức cắm trại tại trường. Các bạn trong lớp lại có những ý kiến khác nhau: có người muốn tham gia, có người muốn về sinh hoạt tại lũy tre xanh.  (2) Để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, nhà trường có tổ chức thi văn nghệ giữa các lớp. Các thành viên trong lớp người thì muốn hát, người lại muốn diễn kịch.  (3) Nhân dịp kỉ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22- 12, liên đội nhà trường phát động các lớp làm báo tường kỉ niệm.  (4) Cô giáo giao nhiệm vụ mỗi tổ học sinh sẽ tham gia thực hiện nhiệm vụ “Ống kính phóng viên” tìm hiểu về tình trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương em, bạn thì muốn viết về ô nhiễm nguồn nước, bạn lại muốn viết về vấn đề ô nhiễm bầu không khí.  **Câu hỏi**: Theo em, các chi đội nhà trường cần làm gì trong các trường hợp trên?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời ghi ra giấy.  - GV quan sát, khích lệ học sinh trả lời bài  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV khích lệ một số HS trình bày, chia sẻ nhanh bằng ngôn ngữ nói, HS khác lắng nghe.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét phần trình bày của HS và dẫn dắt vào nội dung tiết học: *Cuộc sống luôn có những tình huống có vấn đề rất cần sự thảo luận của mọi người đề đi đến thống nhất. Vậy khi tham gia thảo luận nhóm, chúng ta quan tâm những gì? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu:* | **- Tình huống 1**: Thảo luận, thống ý kiến về việc tham gia cắm trại.  **- Tình huống 2**: Thảo luận để thống nhất lựa chọn tiết mục biểu diễn.  **- Tình huống 3**: Thảo luận kế hoạch làm báo tường của lớp.  **- Tình huống 4**: Trao đổi thảo luận thống nhất nhiệm vụ cần thực hiện. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| 1. Lựa chọn vấn đề gây tranh cãi | Chưa nêu được vấn đề | Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; thể hiện nhưng chưa rõ quan điểm. | Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; thể hiện rõ quan điểm. |
| 2. Lập luận | Không biết cách tổ chức hệ thống lí lẽ kết hợp với dẫn chứng để chứng minh cho luận điểm | Luận điểm tương đối phù hợp, rõ ràng. Hệ thống lí lẽ hợp lí, được củng cố bằng dẫn chứng | Luận điểm phù hợp, rõ ràng, sâu sắc và tất cả được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng sắc bén |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Giọng điệu tương đối phù hợp với đề bài, nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Giọng điệu phù hợp với đề bài, nói to, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1:Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| *a) Mục tiêu:* – Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi; xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.  *b)Nội dung:* HS dựa kiến thức đã học thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  *c) Sản phẩm***:** Câu trả lời của HS.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  - Yêu cầu học sinh đọc lại văn bản : “Bạch tuộc” và Chất làm gì”, tóm tắt hai văn bản  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (hay hoạt động cá nhân)  - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần)  ***B3: Báo cáo, thảo luận:***  HS trình bày sản phẩm của nhóm (hay của cá nhân)  ***B4: Kết luận, nhận định (GV):***  - HS nhận xét, bổ sung  - GV đánh giá kết quả của học sinh trên cơ sở đó dẫn dắt học sinh vào bài mới. | - **Văn bản Bạch tuộc** kể lại câu chuyện: cuộc giáp chiến giữa các nhà thám hiểm trên con tàu No-ti-lớt với những con bạch tuộc khổng lồ. Kết quả của cuộc giáp chiến: một người đã bị bắt đi, bạch tuộc chết và bị thương phải lẩn xuống biển.  **- *Văn bản “ Chất làm gỉ****”*: viên trung sĩ Hô- lít gặp đại tá và trình bày về ý tưởng của mình là nghiên cứu một chất làm hoen gỉ sắt thép để giữ gìn hòa bình thế giới. Viên đại tá không tin và yêu cầu anh đi gặp bác sĩ để kiểm tra. Và kết truyện là những vật dụng sắt thép bị hoen gỉ và đại tá muốn giết viên trung sĩ nhưng không được . |

**Gv giới thiệu bài mới :** *Truyện khoa học viễn tưởng là những câu chuyện do tác giả tưởng tượng nhưng luôn dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ, truyện khoa học viễn tưởng hấp dẫn người đọc bằng các sự kiện giàu kịch tính, tình huống bất ngờ; kích thích trí tưởng tượng. truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tại thời điểm tác phẩm ra đời. Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng Trái Đất,... Sự kiện trong truyện khoa học viễn tưởng có thể bắt đầu từ sự kiện có thật; từ đó, nhà văn hình dung, tưởng tượng ra câu chuyện. Như vậy trong truyện khoa học viễn tưởng, có yếu tố có thật và yếu tố không có thật...*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu phần định hướng.**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được các yêu cầu đinh hướng khi tham gia thảo luận nhóm về một vấn đề

**b. Nội dung**: Học sinh hiểu được khái niệm và những chú ý khi tham gia thảo luận nhóm về một vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:** Kĩ thuật động não, hỏi đáp hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần định hướng

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời cá nhân câu hỏi tìm hiểu phần định hướng.  (1) Em hiểu thế nào là thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi?  (2) Mục đích khi thảo luận là gì?  (3) Khi thảo luận nhóm về một vấn đề cần chú ý những gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS căn cứ SGK và hiểu biết bản thân trả lời câu hỏi.  - HS khác lắng nghe bổ sung  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày ý kiến  - HS khác nêu vấn đề cần trao đổi.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **1. Định hướng**  - Thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi là dùng hình thức nói (thuyết trình) để trao đổi, tranh luận về một vấn đề nào đó còn có ý kiến chưa thống nhất.  - Mục đích thảo luận là nêu lên những điểm thống nhất và khác biệt của các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.  **- Chú ý:**  + Lựa chọn được vấn đề gây tranh cãi (chưa thống nhất).  + Xác định các điểm đã thống nhất và các điểm còn khác biệt.  + Chuẩn bị ý kiến của cá nhân về các điểm chưa thống nhất.  + Chú ý thái độ, cử chỉ khi phát biểu, thảo luận. |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  **1. Định hướng**  **a) Mục tiêu:** Lựa chọn vấn đề tranh cãi  **b) Nội dung :** Ý kiến cá nhân về vấn các điểm chưa thống nhất   |  |  | | --- | --- | | **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV : Chia lớp thành 4 nhóm 1,2,3,4  Các nhóm bắt thăm đề tài thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Nhóm trưởng phân công công việc cho các thành viên trong nhóm  - Các thành viên:  + Đọc kĩ văn bản , đọc kĩ phần tóm tắt  + Chuẩn bị ý kiến cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận**   |  | | --- | | **\* Tên văn bản**  - Nội dung thảo luận : ..........................  - Ý kiến cá nhân: ................................... |   **B4: Kết luận, nhận định:**  Lựa chọn vấn đề gây tranh cãi | Sự việc và con người được kể trong văn bản “Bạch tuộc” hoặc “Chất làm gỉ” có thực hay không? | | |
| **2. Thực hành**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được nội dung cần thảo luận  **b) Nội dung:** HS đọc lại 2 văn bản phần đọc hiểu, thực hiện theo yêu cầu của GV  - Xem lại nội dung bài đọc hiểu.  - Tìm hiểu thông tin về khoa học viễn tưởng**.** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Thảo luận: Sự việc và con người được kể trong văn bản “Bạch tuộc” hoặc “Chất làm gỉ” có thực hay không?  GV chia lớp thành 2 nhóm  N1,3: Tìm những chi tiết có thật và không có thật về sự vật và con người trong Văn bản : Bạch tuộc  N2,4: Tìm những chi tiết có thật và không có thật về sự vật và con người trong văn bản : Chất làm gỉ:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận theo nhóm , đưa ra ý kiến thống nhất  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Sự việc có thật | Sự việc không có thật | | Bạch tuộc |  |  | | Chất làm gỉ |  |  |   **B4: Kết luận, nhận định**  GV Yêu cầu các nhóm nhận xét, cho ý kiến | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Sự việc có thật** | **Sự việc không có thật** | | **Bạch tuộc** | Những hiểm nguy trong lòng biển cả, về lòng dũng cảm của con người, về mơ ước và khao khát có những con tàu ngầm hiện đại | Những con bạch tuộc khổng lồ với những đặc điểm kì dị, con tàu lặn dưới biển hai, ba nghìn mét rồi nổi lên gần mặt biển năm trăm mét… | | **Chất làm gỉ** | Nhân vật đại tá, viên trung sĩ và nhưng xung đột, chiến tranh   Chất làm gỉ là một phát minh xuất phát từ những nguyên lí khoa học, mang tính khả thi và có thể thực hiện được.  - Đó là một phát minh mang tính nhân văn, hướng đến một mục tiêu cao đẹp nhằm xây dựng một thế giới hòa bình nên nó hoàn toàn có thể thực hiện được.   Nhân vật như vậy có lẽ vẫn tồn tại bởi con người thường ghét chiến tranh, yêu hòa bình, có những người họ sẽ sẵn sàng làm mọi thứ để đổi lấy hòa bình dù cho điều đó có thể đi ngược lại lý tưởng mà đất nước họ đang theo đuổi. | - Viên trung sĩ muốn biến những cỗ đại bác thành sắt gỉ, những vi khuẩn trong ruột bom trở nên vô hại và xe tăng đổ rụi, nằm im trong các hố đầy nhựa đường để chiến tranh kết thúc.  - Đó là một phát minh mang tính tưởng tượng nhiều hơn bởi nó là rất khó để có thể tạo ra một thiết bị đạt đến hoàn hảo như vậy.  - Nó là không thể bởi khi con người còn mâu thuẫn, tranh chấp với nhau về lãnh thổ, kinh tế thì chiến tranh vẫn sẽ tiếp diễn và vũ khí hạt nhân vẫn sẽ phát triển.  - Nếu thực sự có một viên trung sĩ như vậy trong một doanh trại quân đội, có lẽ cậu đã bị đuổi hoặc bắn chết ngay từ khi ý tưởng điên rồ của cậu bị phát hiện bởi nó đi ngược lại lí tưởng nơi cậu đang làm việc. | |

**2. Thực hành**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Mục đích thảo luận ? | Mục đích thảo luận là nêu lên những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm thuyết trình để tìm cách giải quyết. |
| Nội dung thảo luận | “Sự việc và con người được kể trong văn bản Bạch tuộc hoặc Chất làm gỉ có thực hay không? |
| Ý kiến đồng ý | Những nguy hiểm có thật trong nơi biển cả |
| Ý kiến phản bác | Những con bạch tuộc với những vòi khổng lồ không có thật |
| Ý kiến thống nhất và các điểm còn khác biệt | Sự việc có thật : Những hiểm nguy trong lòng biển cả, về lòng dũng cảm của con người, về mơ ước và khao khát có những con tàu ngầm hiện đại.  Sự việc không có thật: Những con bạch tuộc khổng lồ với những đặc điểm kì dị, con tàu lặn dưới biển hai, ba nghìn mét rồi nổi lên gần mặt biển năm trăm mét… |

Phiếu học tập số 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP DÀN Ý** | | |
| **Mở đầu** | Nêu vấn đề cần thảo luận: “Sự việc và con người được kể trong văn bản Bạch tuộc hoặc chất làm gỉ có thực hay không?” | - Giới thiệu thể loại:  - Giới thiệu vấn đề tranh cái đó là sự việc gì, trong tác phẩm nào? |
| **Nội dung chính** | + Nếu tóm tắt nội dung câu chuyện Bạch tuộc (ngắn dài, tuỳ thời gian).  + Nêu các điểm gây tranh cãi.  Ví dụ: Có người cho là sự việc và con người được kể trong văn bản ấy không có thực; một số người cho là có thực.  + Nêu các lí lẽ và bằng chứng về chuyện có thực và không có thực.  + Nêu ý kiến nhằm giải quyết các điểm gây tranh cãi. | Văn bản Bạch tuộc kể lại câu chuyện là cuộc giáp chiến giữa các nhà thám hiểm trên con tàu No-ti-lớt với những con bạch tuộc khổng lồ của đại dương với các cảnh như tay bạch tuộc quấn chặt lấy tên thủy thủ, cảnh Nê- mô liên tiếp xông tới chặt đứt vòi bạch tuộc để giải cứu cho đồng đội của mình nhưng đã bị chúng tấn công bằng loại “mực” đen. Và kết quả của cuộc giáp chiến: một người đã bị bắt đi, bạch tuộc chết và bị thương phải lẩn xuống biển.  Đứng trước các sự việc diễn ra trong văn bản, có người cho là sự việc và con người được kể trong văn bản ấy không có thực; một số người cho là có thực. Bản thân em cho rằng những con bạch tuộc khổng lồ với những đặc điểm kì dị như: con vật khổng lồ mắt màu xanh, thân hình thoi và đổi màu từ xám sang nâu đỏ. Con bạch tuộc dài chừng 8m, có 8 râu dài uốn cong, hàm răng nhọn rung lên bần bật, thân hình là khối thịt tầm 20, 25 tấn. Con tàu lặn dưới biển hai, ba nghìn mét rồi nổi lên gần mặt biển năm trăm mét… là những chi tiết không có thật bởi trên thực tế con bạch tuộc rất nhỏ, những con tàu ngầm hiện đại cũng không lặn sâu như vậy. Còn những chi tiết sự hiểm nguy trong lòng biển cả, về lòng dũng cảm của con người, về mơ ước và khao khát có những con tàu ngầm hiện đại là có thật. Ngày nay, ước mơ chế tạo những con tàu ngầm hiện đại đã trở thành hiện thực. |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại ý kiến của cá nhân về những điều có thực và tưởng tượng trong văn bản đang được thảo luận. | Trên đây là bài trình bày của em về những điều có thực và tưởng tượng trong văn bản Bạch tuộc đang được thảo luận. Trong bài em cũng đưa ra và giải thích về những điều có thật và không có thật đó. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| **a) Mục tiêu:**  Tổ chức cho HS trao đổi, nhận xét, phản hồi về nội dung và kĩ năng nói của người trình bày. Từ đó, GV nhận xét về kĩ năng và nội dung nói – nghe của HS; đưa ra các uốn nắn về kĩ thuật nói.  **b) Nội dung:** HS Trình bày bài nói theo dàn bài đã chuẩn bị | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh thực hiện theo nhóm  - Nhóm trưởng chủ trì, nêu vấn đề cần thảo luận.  - Các cá nhân dựa vào dàn ý đã làm, nêu ý kiến của mình trước nhóm  - Trao đổi, tranh luận các ý kiến còn khác biệt. Chú ý các lỗi cần tránh khi nghe và có thái độ phù hợp trong thảo luận, trao đổi  - Nhóm trưởng tổng kết việc thảo luận, các điểm thống nhất và điểm còn khác biệt  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận trong nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Các thành viên báo cáo trước nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  - Gv yêu câu các nhóm cử đại diện trình bày  - Hs trình bày vấn đề được thảo luận của nhóm mình  - HS khác trình bày nhận xét đưa ra ý kiến phản bác .  - Gv nhận xét đánh giá kết quả thực hiện của học sinh. | - Bài nói của học sinh |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| **a) Mục tiêu:** HS trao đổi, nhận xét, phản hồi về nội dung và kĩ năng nói của người trình bày  **b) Nội dung:** Dựa vào bài nói của học sinh GV yêu cầu các học sinh nhận xét **:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV**):  GV cùng HS thống nhất các nguyên tắc thảo luận:  1. Lắng nghe lẫn nhau.  2. Tôn trọng ý kiến trái chiều.  3. Phản biện dựa trên lí lẽ, dẫn chứng.  Yêu cầu HS nhận xét theo yêu cầu sau :   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** | **Nhận xét** | | **Thông tin từ người nói** | Lí lẽ .......  + Bằng chứng 1....  + Bằng chứng 2.... | | **Ngôn ngữ, điệu bộ** |  | | **Ý kiến trao đổi** |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe bài nói của bạn  - Nhận xét theo các tiêu chí  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS đưa ra nhận xét của mình về bài của bạn  **B4: Kết luận, nhận định**  HS trao đổi về bài nói  GV nhận xét thống nhất ý kiến ( nếu cần) |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân, làm bài tập của GV giao.  **c) Sản phẩm:**Bài làm của học sinh.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS:  Sự việc và con người trong Văn bản *Chất làm gỉ* có thật hay không  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phiếu tìm ý lập dàn ý  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét bài làm của HS, những ưu điểm của bài nói này so với bài trước.  - Chuyển dẫn sang mục khác. |  |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Củng cố và mở rộng kiến thức, nội dung của bài học cho HS,  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  (GV giao bài tập)  Bài tập 1: Hãy tìm hiểu xem những điều viết trông hai văn bản trên ngày nay đã trở thành hiện thực chưa .  Bài tập 2: Hãy giới thiệu một vấn đề nào đó trong phim hay một câu chuyện khoa học viễn tưởng em đã được đọc hoặc được xem .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS;  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. | |

**Phụ Lục**

**Phiếu học tập số 1**

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Lựa chọn vấn đề cần thảo luận

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Mục đích thảo luận ? | ……………………………………… |
| Nội dung thảo luận | ……………………………………… |
| Ý kiến đồng ý | ……………………………………… |
| Ý kiến phản bác | ……………………………………… |
| Ý kiến thống nhất và các điểm còn khác biệt | ………………………………………  ……………………………………… |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP DÀN Ý** | | |
| **Mở đầu** | Nêu vấn đề cần thảo luận: |  |
| **Nội dung chính** | + Nếu tóm tắt nội dung câu chuyện .  + Nêu các điểm gây tranh cãi.  + Nêu các lí lẽ và bằng chứng về chuyện có thực và không có thực.  + Nêu ý kiến nhằm giải quyết các điểm gây tranh cãi. |  |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại ý kiến của cá nhân về những điều có thực và tưởng tượng trong văn bản đang được thảo luận. |  |

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Câu 1. Nội dung chính của đoạn chữ in nghiêng ở phía trên văn bản Một trăm dặm dưới mặt đất là gì?**

A. Kể lại những câu chuyện phiêu lưu và thám hiểm miệng núi lửa

B. Miêu tả cảnh một giáo sư người Đức thực hiện cuộc du hành trong lòng đất

C. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ

D. Kể lại cảnh đoàn thám hiểm khám phá những bí mật trong trung tâm Trái Đất

**ĐA:**

* **C. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ**

**Câu 2. Nội dung chính của đoạn trích Một trăm dặm dưới mặt đất là gì?**

A. Kể lại câu chuyện A-xen bị tai nạn, rơi vào một chiếc hang rộng vô cùng

B. Kể lại câu chuyện vị giáo sư đã khám phá ra chiếc hang trong lòng đất

C. Kể lại việc vì sao cậu bé A-xen lại bị rơi vào chiếc hang rộng vô cùng

D. Kể lại cảnh cậu bé A-xen khám phá ra bí mật của vùng biển Lin-đen-brốc

**ĐA**

* **B. Kể lại câu chuyện vị giáo sư đã khám phá ra chiếc hang trong lòng đất**

**Câu 3. Không gian trong đoạn trích là không gian nào?**

A. Trong hang và trên mặt đất

B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ

C. Bãi biển và bầu trời

D. Bầu trời sao và vòm đá hoa cương

**ĐA**

* **B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ**

**Câu 4. Vì sao biển ngắm trong đoạn trích lại có tên là Lin-đen-brốc?**

A. Tên biển đã có từ thời xa xưa

B. Do người dân địa phương đặt từ lâu

C. Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó

D. Lấy tên từ một truyền thuyết về biển cả

**ĐA**

**C. Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó**

**Câu 5. Trí tưởng tượng phong phú của tác giả thể hiện ở việc miêu tả cảnh nào?**

A. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông

B. Cảnh cậu bé A-xen bị hất xuống một đường hầm thẳng đứng

C. Cảnh từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn

D. Cảnh khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương

**ĐA:**

* **A. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông**

**Câu 6.** **Phương án nào nêu nhận xét đúng về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?**

A. Sử dụng nhiều chi tiết thần kì, hoang đường, không có thực

B. Sử dụng nhiều cảnh tượng mang yếu tố thần linh, siêu nhiên

C. Sử dụng nhiều chi tiêt tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học

D. Tạo ra tình huống li kì chỉ có trong truyện thần thoại, truyền thuyết

* **ĐA : C. Sử dụng nhiều chi tiêt tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học**

**Câu 7. Câu văn nào thể hiện rõ người viết dựa vào kiến thức khoa học?**

A. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.

B. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sửng sốt và kinh hãi!

C. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết!

D. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ảnh đổi màu chuyển động.

* **ĐA: A. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra**.

**Câu 8. Câu nào sau đây chứa số từ**?

A. Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy!

B. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sửng sốt và kinh hãi!

C. ... Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!

D. Không lẽ cháu bị điên vì cháy thấy ánh sáng Mặt Trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa.

**ĐA: C. Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn**!

**Câu 9.** **Câu văn "Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động." đã sử dụng biện pháp tu từ gì?**

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

**ĐA: B. So sánh**

**Câu 10.**Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) trả lời câu hỏi: Vì sao cuối đoạn trích, nhân vật "tôi" lại "ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sửng sốt và kinh hãi!"?

Gợi ý: nhân vật "tôi" đã "ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sửng sốt và kinh hãi!"

. + Do vẻ đẹp trong lòng hang dưới mặt đất quá sức tưởng tượng của nhân vật "tôi".

+ Vẻ đẹp thiên nhiên dưới lòng đất đẹp đến nỗi trí tưởng tượng của nhân vật "tôi" hoàn toàn bất lực, và "tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người".

+ Cái ngỡ ngàng, sửng sốt của nhân vật tôi chắc chắn là do nhìn thấy cảnh đẹp ngoài sức tưởng tượng; và có lẽ trong lòng anh cũng đang reo lên những cảm xúc lẫn lộn về sự kì vĩ của tạo hóa.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Hoàn thiện BT vào VBT

- Chuẩn bị bài 3 : Nghị luận văn học

+ Đọc kĩ phần Kiến thức ngũ văn tìm hiểu đặc điểm của văn bản nghị luận văn học, giá trị nhận thức của văn học

+ chuẩn bị bài : Thiên nhiên và con người trong truyện đất rừng Phương Nam